ĐỀ THI HẾT HỌC KÌ I BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO – ĐỀ SỐ 1

MÔN: SINH HỌC – LỚP 11

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Mục tiêu

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ học kì I của chương trình sách giáo khoa Sinh học
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Sinh học
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải tất cả các chương của học kì I – chương trình Sinh học

Đáp án và Lời giải chi tiết

1	2	3	4	5	6
B	C	C	B	B	B
7	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
C	B	B	C	C	D

I. Trắc nghiệm (6,0 điểm)

Câu 1: Đơn vị tổ chức cơ sở của mọi sinh vật là

A. các đại phân tử.

B. tế bào.

C. mô.

D. cơ quan.

Phương pháp:

Đơn vị tổ chức cơ sở của mọi sinh vật là tế bào.

Cách giải:

Đáp án B.

Câu 2: Hãy cho biết đâu là nội dung nghiên cứu của lĩnh vực động vật học trong ngành Sinh học?

A. nghiên cứu về di truyền và biến dị ở các loài sinh vật

B. nghiên cứu về cơ sở phân tử của các cơ chế di truyền cũng như các hoạt động sống của tế bào

C. nghiên cứu về cấu tạo và các hoạt động sống của tế bào

D. nghiên cứu về hình thái, giải phẫu, sinh lí, phân loại và hành vi của động vật cũng như vai trò và tác hại của chúng đối với tự nhiên và con người.

Phương pháp:

Bước 1 của phương pháp làm việc trong phòng thí nghiệm là: Chuẩn bị các thiết bị, dụng cụ, hóa chất và mẫu vật để làm thí nghiệm.

Cách giải:
Đáp án C.
Câu 3: Bước 1 của phương pháp làm việc trong phòng thí nghiệm là gì?
A. Báo cáo kết quả thí nghiệm
B. Vệ sinh dụng cụ, phòng thí nghiệm
C. Chuẩn bị các thiết bị, dụng cụ, hóa chất và mẫu vật để làm thí nghiệm.
D. Tiến hành các thí nghiệm theo đúng quy trình và thu thập dữ liệu từ kết quả thí nghiệm
Phương pháp:
Bước 1 của phương pháp làm việc trong phòng thí nghiệm là: Chuẩn bị các thiết bị, dụng cụ, hóa chất và mẫu vật để làm thí nghiệm.
Cách giải:
Đáp án C.
Câu 4: Bốn nguyên tố chính cấu tạo nên chất sống là:
A. C, H, O, P.
B. C, H, O, N.
C. O, P, C, N.
D. H, O, N, P.
Phương pháp:
Đường mía (saccarozơ) là loại đường đôi được cấu tạo bởi một phân tử glucozơ và một phân tử fructozơ.
Cách giải:
Đáp án B.
Câu 5: Nước có tính phân cực do
A. cấu tạo từ oxi và hidro.
B. electron của hidro yếu.
C. 2 đầu có tích điện trái dấu.
D. các liên kết hidro luôn bền vững.
Phương pháp:
Đường mía (saccarozơ) là loại đường đôi được cấu tạo bởi một phân tử glucozơ và một phân tử fructozơ.
Cách giải:
Đáp án B.
Câu 6: Đường mía (saccarozơ) là loại đường đôi được cấu tạo bởi
A. hai phân tử glucozơ.
B. một phân tử glucozơ và một phân tử fructozơ.
C. hai phân tử fructozơ.
D. một phân tử glucozơ và một phân tử galactose.
Phương pháp:
Đường mía (saccarozơ) là loại đường đôi được cấu tạo bởi một phân tử glucozơ và một phân tử fructozơ.
Cách giải:
Đáp án B.
Câu 7: Quang hợp chỉ được thực hiện ở
A. tảo, thực vật, động vật.
B. tảo, thực vật, nấm.

C. tảo, thực vật và một số vi khuẩn.
D. tảo, nấm và một số vi khuẩn.
Phương pháp:
Quang hợp chỉ được thực hiện ở tảo, thực vật và một số vi khuẩn.
Cách giải:
Đáp án C.
Câu 8: Các loại protein khác nhau được phân biệt nhau bởi
A. số lượng, thành phần và trật tự sắp xếp các axit amin.
B. số lượng, thành phần axit amin và cấu trúc không gian.
C. số lượng, thành phần, trật tự sắp xếp các axit amin và cấu trúc không gian.
D. số lượng, trật tự sắp xếp các axit amin và cấu trúc không gian.
Phương pháp:
Trong cơ thể sống các chất có đặc tính chung kị nước như mỡ, xenlulozơ, photpholipit, tinh bột.
Cách giải:
Đáp án B.
Câu 9: Trong cơ thể sống các chất có đặc tính chung kị nước như
A. tinh bột, glucozơ, mỡ, fructozơ.
B. mỡ, xenlulozơ, photpholipit, tinh bột.
C. sắc tố, vitamin, steroit, photpholipit, mỡ.
D. Vitamin, steroid, glucozo, cacbohidrat.
Phương pháp:
Trong cơ thể sống các chất có đặc tính chung kị nước như mỡ, xenlulozơ, photpholipit, tinh bột.
Cách giải:
Đáp án B.
Câu 10: Vùng nhân của tế bào nhân sơ chứa 1 phân tử
A. ADN dạng vòng
B. mARN dạng vòng.
C. tARN dạng vòng.
D. rARN dạng vòng.
Phương pháp:
Vai trò cơ bản nhất của tế bào chất là nơi thực hiện trao đổi chất trực tiếp của tế bào với môi trường.
Cách giải:
Đáp án C.
Câu 11: Vai trò cơ bản nhất của tế bào chất là
A. nơi chứa đựng tất cả thông tin di truyền của tế bào.
B. bảo vệ nhân.
C. nơi thực hiện trao đổi chất trực tiếp của tế bào với môi trường.
D. nơi diễn ra mọi hoạt động sống của tế bào.
Phương pháp:
Vai trò cơ bản nhất của tế bào chất là nơi thực hiện trao đổi chất trực tiếp của tế bào với môi trường.
Cách giải:

Đáp án C.

Câu 12: Tế bào chất ở sinh vật nhân thực chứa

A. các bào quan không có màng bao bọc.

B. chỉ chứa ribôxôm và nhân tế bào.

C. chứa bào tương và nhân tế bào.

D. hệ thống nội màng, các bào quan có màng bao bọc và khung xương tế bào

Phương pháp:

Tế bào chất ở sinh vật nhân thực chứa hệ thống nội màng, các bào quan có màng bao bọc và khung xương tế bào.

Cách giải:

Đáp án D.

II. Tự luận (4,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) So sánh tế bào thực vật và động vật?

Phương pháp giải :

Lý thuyết về tế bào động vật và tế bào thực vật

Lời giải chi tiết :

- Giống nhau:

+ Đều là tế bào nhân thực

+ Tế bào đều được cấu tạo bởi 3 thành phần cơ bản là : Màng sinh chất, tế bào chất và nhân

+ Gồm một số bào quan giống nhau như ti thể, lưới nội chất, bộ máy gongi, nhân, riboxom

- Khác nhau:

Tế bào thực vật	**Tế bào động vật**
Có thành xenlulozo bao quanh màng sinh chất	Không có thành xenlulozo bao quanh màng sinh chất
Có lục lạp	Không có lục lạp
Chất dự trữ là tinh bột, dầu	Chất dự trữ là glicogen, mỡ
Thường không có trung tử	Có trung tử
Không bào lớn	Không bào nhỏ hoặc không có
Trong môi trường nhược trương, thể tích của tế bào	Trong môi trường nhược trương, thể tích của

tăng nhưng tế bào không bị vỡ ra	tế bào tăng, tế bào có thể bị vỡ ra

Câu 2. (2,0 điểm) Nếu ngâm rau, quả trong nước muối quá lâu sẽ thì xảy ra hiện tượng gì, giải thích?

Phương pháp giải:

Cho nhiều muối vào nước sẽ tạo môi trường ưu trương.

Lời giải chi tiết:

Trong trường hợp rửa rau bằng nước muối, nồng độ chất tan môi trường ngoài (muối) cao hơn bên trong tế bào rau, gọi là môi trường ưu trương, chất tan sẽ nhanh chóng khuyếch tán từ nơi có nồng độ cao (bên ngoài) vào bên trong tế bào rau, đồng thời nước trong tế bào rau cũng khuyếch tán từ trong tế bào rau ra ngoài để đảm bảo đủ thể tích khi lượng chất tan bên ngoài vào chiếm trong tế bào. Do đó, rau bị mất nước nên héo đi nhanh chóng. Trường hợp này là vận chuyển thụ động.